

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 12/2005/QĐ-BNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình di dân thực hiện quy hoạch,
bố trí dân cư đến năm 2010

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư giai đoạn 2003 – 2010;

Căn cứ Quyết định số 120/2003/QĐ TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2010;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hợp tác xã và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy trình di dân" trong lĩnh vực di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư đến năm 2010 trên địa bàn cả nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 99/1998/QĐ-BNN-ĐCĐC ngày 16 tháng 7 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy trình di dân.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng Cơ quan chuyên ngành di dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

	KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỨ TRƯỞNG (đã ký) Diệp Kinh Tân
--	---

QUY TRÌNH

Di dân

(ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BNN ngày 14 tháng 3 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Nguyên tắc:

Quy trình di dân là hệ thống những quy định có tính pháp lý được áp dụng trong việc tổ chức di dân thực hiện Dự án quy hoạch, bố trí dân cư (gọi tắt là Dự án).

Quy trình di dân là căn cứ pháp lý để thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ di dân theo quy định tài chính hiện hành, đồng thời là căn cứ để kiểm tra, thanh tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả của công tác di dân thực hiện quy hoạch bố trí dân cư.

Việc tổ chức di dân thực hiện đúng mục tiêu, nội dung của Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo kế hoạch Nhà nước giao hàng năm.

Địa bàn tiếp nhận dân đến phải đảm bảo các điều kiện cơ bản để người dân ổn định đời sống, phát triển sản xuất cũng như đảm bảo môi trường sinh thái: có đủ đất ở đất sản xuất, đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng.

Các hộ gia đình di dân bố trí, sắp xếp vào vùng dự án được cấp có thẩm quyền giao đất ở, đất sản xuất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết việc chuyển và nhập hộ khẩu.

- Địa phương nơi đưa dân đi và nơi tiếp nhận dân đến phải giải quyết cho chủ hộ di dân các chế độ, chính sách kịp thời, đúng đối tượng, đúng mục đích, đúng hình thức di dân và theo tiến độ di dân.

- Cơ quan quản lý chuyên ngành di dân hoặc cơ quan thực hiện công tác di dân (sau đây gọi chung là Cơ quan chuyên ngành di dân) của địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan, chủ dự án để tổ chức thực hiện di dân đúng quy trình di dân.

- Những trường hợp vi phạm quy trình phải xử lý nghiêm theo pháp luật.

2. Phạm vi áp dụng:

Quy trình di dân được áp dụng trong quá trình tổ chức thực hiện di dân đến các Dự án quy hoạch bố trí dân cư, các vùng thực hiện quy hoạch bố trí dân cư (gọi tắt là vùng Dự án) thuộc khu vực nông thôn.

3. Đối tượng áp dụng quy trình di dân:

a) Đối tượng áp dụng quy trình di dân là hộ gia đình di dân theo Quyết định số 190/2003/QĐ-TTg ngày 16/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là QĐ190/2003/QĐ-TTg), Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là QĐ120/2003/QĐ-TTg). Các đối tượng di dân được xác định cụ thể và hưởng các chính sách hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn tại các văn bản sau: Thông tư liên tịch số 09/2004/TTLT-BNN-BTC ngày 31/3/2004 của Liên Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài chính (gọi tắt là TTLT 09/2004/TTLT-BNN-BTC), Thông tư số 57/2004/TT-BNN ngày 01/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (gọi tắt là TT 57/2004/TT-BNN), Công văn số 1449/CP-NN ngày 05/10/2004 của Chính phủ.

b) Hộ gia đình di dân (gọi tắt là hộ di dân) phải có hộ khẩu hợp pháp, các nhân khẩu đi theo phải có tên trong một sổ hộ khẩu thường trú; do cơ quan Công an xác nhận,

được Cơ quan chuyên ngành di dân và các cấp chính quyền địa phương duyệt theo kế hoạch di dân hàng năm.

Trường hợp là hộ dân di cư tự do đang sống trong các khu rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ nay chuyển đến vùng quy hoạch ổn định dân cư hoặc trở về nơi ở cũ phải có đăng ký hộ khẩu tạm trú hoặc có xác nhận của cơ quan quản lý rừng, được Cơ quan chuyên ngành di dân và các cấp chính quyền địa phương duyệt theo kế hoạch di dân hàng năm.

c) Các xã nhận dân xen ghép: là các xã không xây dựng Dự án quy hoạch bố trí dân cư quy định tại khoản 6, Mục I, Phần A của TTLT 09/2004/TTLT-BNN-BTC, nhưng có điều kiện tiếp nhận các hộ di dân theo kế hoạch, thuộc đối tượng quy định tại mục a, khoản 3, Điều 1 của QĐ190/2003/QĐ-TTg.

4. Các hình thức di dân được chia như sau:

4.1. Theo cách tổ chức di dân: có 2 loại

a) Di dân tập trung: là hình thức di chuyển do chính quyền địa phương tổ chức cho các hộ thuộc đối tượng quy định tại điểm a, khoản 3, Phần I của Quy trình này đến vùng Dự án, theo kế hoạch di dân hàng năm.

b) Di dân xen ghép: là hình thức di dân của các hộ thuộc đối tượng quy định tại mục a, khoản 3, Điều 1 của QĐ 190/2003/QĐ TTg di chuyển đến các xã không xây dựng dự án quy hoạch bố trí dân cư quy định tại khoản 6, Mục I, Phần A của TTLT 09/2004/TTLT-BNN-BTC, nhưng có điều kiện tiếp nhận hộ di dân đến xen ghép theo kế hoạch di dân hàng năm.

4.2. Theo vùng lãnh thổ : có 4 loại

Di dân Bắc - Nam (hoặc ngược lại): là hình thức di chuyển của các hộ di dân từ miền Bắc vào miền Nam (hoặc ngược lại).

Các tỉnh miền Bắc từ Thừa Thiên - Huế trở ra phía Bắc và các tỉnh miền Nam từ Đà Nẵng trở vào phía Nam.

- Di dân trong miền: là hình thức di chuyển của các hộ di dân từ tỉnh này sang tỉnh khác trong miền Nam hoặc miền Bắc.

- Di dân trong tỉnh: là hình thức di chuyển của các hộ di dân từ ngoài phạm vi vùng dự án vào trong vùng dự án của một tỉnh.

Di dân trong vùng dự án: là hình thức di chuyển trong phạm vi của một vùng dự án.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Quy trình di dân thực hiện theo trình tự như sau:

I. GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DI DÂN

1. Công tác tuyên truyền, vận động

Cơ quan chuyên ngành di dân của địa phương phối hợp với chính quyền địa phương nơi đi và nơi đến vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về di dân thực hiện quy hoạch, bố trí, ổn định dân cư trên địa bàn cả nước; phổ biến đầy đủ chế độ, chính sách của Nhà nước đối với hộ di dân.

2. Công tác chuẩn bị của địa phương nơi có dân đi (nơi đi)

2.1. Cơ quan chuyên ngành di dân:

a) Rà soát các đối tượng, xác định nhu cầu quy hoạch, bố trí dân cư và xây dựng kế hoạch di dân của địa phương.

Kế hoạch di dân cần phân rõ các đối tượng do ngân sách Trung ương hỗ trợ, đối tượng do ngân sách địa phương hỗ trợ và đối tượng tự di chuyển.

b) Liên hệ, xác định cụ thể địa bàn nhận dân, phối hợp với chính quyền địa phương nơi đi, nơi đến và đại diện các hộ di dân để tổ chức khảo sát, thẩm tra địa bàn nhận dân, đảm bảo cơ bản về các điều kiện tối thiểu cho đời sống nhân dân; lập biên bản thẩm tra địa bàn dự án di dân thực hiện quy hoạch, bố trí dân cư (Mẫu số 1DD).

c) Cung cấp cho các hộ di dân đầy đủ các thông tin cần thiết về vùng dự án quy hoạch, bố trí dân cư, địa bàn nhận dân (kể cả khó khăn và thuận lợi) .

d) Tổ chức ký hợp đồng giữa 3 bên gồm đại diện chính quyền địa phương nơi đi, nơi đến và chủ dự án về số lượng hộ di dân, thời gian giao nhận, trách nhiệm của mỗi bên để hoàn thành nhiệm vụ quy hoạch, bố trí dân cư, đảm bảo đúng đối tượng di dân (Mẫu số 2DD).